

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (tiếng Anh viết tắt MSDS từ Material Safety Data Sheet)		LOGO
MSDS – Chemlok 600		
Số CAS : Không có số Cas cho hỗn hợp Số UN : 1993 Số đăng ký EC: Không có thông tin Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Không có thông tin Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có): Không có thông tin		
Phần I – Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp		
- Tên hoá chất: Chemlok 600 - Tên thương mại: Chemlok 600		Mã sản phẩm (nếu có)
- Bên nhập khẩu, địa chỉ: CÔNG TY TNHH SYNZTEC VIỆT NAM Trụ sở tại: Lô J12, KCN Nhật Bản, Hồng An, Hải Phòng. Điện thoại: 84-225-3743292 Fax: 84-225-3743338		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY TNHH SYNZTEC VIỆT NAM Trụ sở tại: Lô J12, KCN Nhật Bản, Hồng An, Hải Phòng. Điện thoại: 84-225-3743292 Fax: 84-225-3743338
Tên nhà sản xuất và địa chỉ: LORD Japan Inc. Địa chỉ: Tokyo Office: Nomura Nishi Shinjuku Bldg. 8F 8-4-2 Nishi-shinjuku Shinjuku-ku Tokyo Kofu Facility: 811 Nakadate Chuo-shi Yamanashi Điện thoại: +(84)-55-273-4290 Fax: +(81)-55-273-5020 Chemtrec 24 Hr Transportation Emergency No. Japan: +(84)-3-4520-9637		
Tên nhà cung cấp và địa chỉ: CÔNG TY CỔ PHẦN KISCO Trụ sở tại: 11-2, 4 CHOME, NIHONBASHI HONCHO CHUO-KU, TOKYO, JAPAN, 103-8410 Khu 11-2, 4 Chome, NIHONBASHI HONCHO, Quận CHUO-KU, Thành phố TOKYO, NHẬT BẢN. Điện thoại: +81 3-3663-0364 - Fax: +81 3-3661-5971		
Mục đích sử dụng: Để pha sơn và dung dịch sơn, phun lên bề mặt con lăn, tạo độ kết dính		
Phần II – Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất		

Phân loại độc tính hỗn hợp dựa vào phương pháp tính toán cộng gộp từ giá trị các thành phần của hỗn hợp theo Phân loại Phụ lục XV-NGUYÊN TẮC PHÂN LOẠI HÓA CHẤT (Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương):

Nguy cơ vật lý:

- * Chất lỏng dễ cháy – Cấp 2

Nguy cơ đối với sức khỏe:

- * Độc tính cấp tính qua đường miệng – Cấp 5
- * Độc tính cấp tính qua hô hấp (bụi, sương) – Cấp 4
- * Độc tính cấp tính qua hô hấp (hơi) – Cấp 4
- * Ăn mòn/kích ứng da – Cấp 2
- * Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt – Cấp 2A
- * Đột biến tế bào mầm – Cấp 1B
- * Gây ung thư – Cấp 1B
- * Độc tính sinh sản – Cấp 2
- * Độc tính cơ quan đích (phơi nhiễm một lần) – Cấp 3
- * Độc tính cơ quan đích (phơi nhiễm một lần) – Cấp 1 (Hệ thần kinh trung ương)
- * Độc tính cơ quan đích (phơi nhiễm lặp lại) – Cấp 1 (Hệ thần kinh trung ương, thận)
- * Nguy cơ hít phải – Cấp 1

Nguy cơ đối với môi trường:

- * Nguy hại với môi trường nước (cấp tính) – Cấp 2
- * Nguy hại với môi trường nước (mạn tính) – Cấp 2

Nguy cơ khác: Không có thông tin

Các yếu tố nhận theo theo Phụ lục XV-NGUYÊN TẮC PHÂN LOẠI HÓA CHẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Hình đồ (ký hiệu):



Từ cảnh báo:

- Nguy hiểm/Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ:

- * Chất lỏng và hơi rất dễ cháy
- * Có thể gây hại nếu nuốt phải
- * Có hại nếu hít phải
- * Có hại nếu hít phải
- * Gây kích ứng da
- * Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
- * Có thể gây đột biến gen
- * Có thể gây ung thư

- * Nghi ngờ gây ảnh hưởng đến khả năng sinh sản hoặc thai nhi
- * Có thể gây hại cho trẻ bú mẹ
- * Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt
- * Có thể gây kích ứng đường hô hấp
- * Gây tổn thương cơ quan (Hệ thần kinh trung ương)
- * Gây tổn thương cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc lặp lại (Hệ thần kinh trung ương, thận)
- * Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và xâm nhập vào đường hô hấp
- * Độc với sinh vật thủy sinh
- * Độc với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài

Cảnh báo phòng ngừa:

- * Tránh xa nguồn nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần/bề mặt nóng – Cấm hút thuốc
- * Nối đất/liên kết thùng chứa và thiết bị tiếp nhận
- * Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống cháy nổ
- * Chỉ sử dụng dụng cụ không phát tia lửa
- * Thực hiện các biện pháp phòng chống tĩnh điện
- * Nhận hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng
- * Không thao tác khi chưa đọc và hiểu tất cả các biện pháp an toàn
- * Mang găng tay/quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/bảo vệ mặt
- * Sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân theo yêu cầu
- * Không hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi phun
- * Rửa sạch kỹ sau khi thao tác
- * Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm
- * Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc nơi thông gió tốt
- * Tránh thải ra môi trường

Ứng phó:

- * Trong trường hợp cháy: tham khảo mục 5 của SDS để biết phương tiện chữa cháy
- * Gọi Trung tâm chống độc hoặc bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe
- * Nếu bị phơi nhiễm: gọi Trung tâm chống độc hoặc bác sĩ
- * Điều trị đặc hiệu (xem hướng dẫn sơ cứu bổ sung trên nhãn)
- * Nếu hít phải: đưa ra nơi thoáng khí, để nghỉ ở tư thế dễ thở
- * Nếu dính vào da (hoặc tóc): cởi bỏ ngay quần áo bị nhiễm, rửa bằng nước/tắm
- * Nếu bị kích ứng da: đi khám/nhận tư vấn y tế
- * Nếu dính vào mắt: rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút, tháo kính áp tròng nếu có và tiếp tục rửa
- * Nếu nuốt phải: gọi ngay Trung tâm chống độc hoặc bác sĩ
- * Không gây nôn
- * Thu gom phần tràn đổ

Bảo quản:

- * Bảo quản nơi thông thoáng, giữ mát
- * Bảo quản nơi thông thoáng, đậy kín thùng chứa
- * Lưu trữ có khóa

Thải bỏ:

* Thải bỏ hóa chất/thùng chứa theo quy định pháp luật về xử lý chất thải của Việt Nam

Cấp tính:

- * Hơi có hại; có thể ảnh hưởng đến não hoặc hệ thần kinh, gây chóng mặt, đau đầu hoặc buồn nôn
- * Có thể gây kích ứng hệ hô hấp với các triệu chứng như khô họng, tức ngực, khó thở
- * Có thể gây ức chế hệ thần kinh trung ương với các biểu hiện tiến triển: đau đầu, chóng mặt, đi loạng choạng, lú lẫn, bất tỉnh hoặc hôn mê
- * Có thể gây kích ứng đường hô hấp
- * Nuốt phải không phải là đường phơi nhiễm dự kiến trong sử dụng công nghiệp hoặc thương mại

Mãn tính:

- * Tiếp xúc kéo dài hoặc lặp lại có thể gây viêm da
- * Phơi nhiễm dung môi lặp lại hoặc kéo dài có thể gây tổn thương vĩnh viễn hệ thần kinh trung ương
- * Có thể gây tổn thương gan hoặc thận
- * Theo ACGIH, ethanol được xếp loại A3 (gây ung thư trên động vật, chưa rõ liên quan ở người)

Phần III – Thông tin về thành phần các chất

Phân loại đơn chất/hỗn hợp: Hỗn hợp

Tên hóa chất	Số CAS	Hàm lượng (%)
Toluene	108-88-3	99.1%
Ethanol (Cồn etylic)	64-17-5	0.9%

Phần IV – Biện pháp sơ cứu về y tế

Tiếp xúc với mắt: Rửa mắt ngay lập tức bằng nhiều nước trong ít nhất 15 phút, giữ mí mắt mở khi rửa. Nhận chăm sóc y tế kịp thời.

Tiếp xúc với da: Rửa vùng da bị nhiễm bằng nhiều nước đồng thời cởi bỏ quần áo bị nhiễm. Rửa vùng da bị ảnh hưởng bằng xà phòng và nước. Đi khám nếu xuất hiện triệu chứng.

Hít phải: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí. Hỗ trợ và duy trì hô hấp. Nếu khó thở, cho thở oxy. Cần chăm sóc y tế ngay lập tức.

Nuốt phải: Nếu nuốt phải, không gây nôn. Gọi bác sĩ hoặc trung tâm chống độc ngay để được hướng dẫn. Không cho bất cứ thứ gì qua đường miệng nếu nạn nhân đang mất ý thức nhanh, bất tỉnh hoặc co giật.

Phần V – Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp: Carbon dioxide (CO₂), bột chữa cháy khô, bọt, phun sương nước

Phương tiện chữa cháy không phù hợp: Tia nước áp lực cao

Nguy cơ cụ thể từ hóa chất: Chất lỏng và hơi dễ cháy. Giữ thùng chứa đóng kín. Cách ly khỏi nguồn nhiệt, thiết bị điện, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn gây cháy khác. Thùng kín có thể nổ khi tiếp xúc với nhiệt độ cao. Dùng phun nước để làm mát các thùng chứa bị ảnh hưởng bởi đám cháy. Trong quá trình cháy có thể sinh ra khí và hạt gây kích ứng và/hoặc độc hại do phân hủy nhiệt hoặc cháy.

Trang bị bảo hộ và lưu ý cho lực lượng chữa cháy: Mặc đầy đủ quần áo bảo hộ chữa cháy, bao gồm thiết bị thở độc lập (SCBA). Nước có thể không hiệu quả. Nếu sử dụng nước, nên dùng dạng phun sương.

Phần VI – Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Tránh mọi nguồn gây cháy (ngọn lửa, bề mặt nóng, và tia lửa điện, tĩnh điện hoặc do ma sát). Tránh tiếp xúc. Tránh hít hơi. Sử dụng thiết bị thở độc lập.

Biện pháp bảo vệ môi trường: Không làm ô nhiễm nguồn nước, dòng chảy hoặc mương rãnh bằng hóa chất hoặc bao bì đã sử dụng.

Phương pháp và vật liệu để kiểm soát và làm sạch: Giữ người không phận sự cách xa khu vực tràn đổ. Thông báo cho cơ quan có thẩm quyền nếu cần. Tránh tiếp xúc. Trước khi xử lý, tham khảo thông tin cảnh báo nguy hại ở các mục khác trong SDS. Khoanh vùng và thu gom bằng vật liệu hấp thụ trơ.

Phần VII – Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Xử lý: Giữ nắp kín và để thùng chứa ở tư thế thẳng đứng để tránh rò rỉ. Nối đất và liên kết các thùng chứa khi chuyển giao vật liệu.

Tránh tiếp xúc với da và mắt. Rửa sạch kỹ sau khi thao tác.

Tránh hít hơi hoặc sương phun.

Không thao tác khi chưa đọc và hiểu tất cả các biện pháp an toàn.

Không tái sử dụng thùng chứa rỗng. Sử dụng nơi thông gió đầy đủ.

Do thùng rỗng có thể còn dư lượng sản phẩm và hơi dễ cháy, cần tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa; không cắt, đục hoặc hàn trên hoặc gần thùng rỗng.

Không hút thuốc tại nơi sử dụng hoặc lưu trữ sản phẩm.

Bảo quản: Không lưu trữ hoặc sử dụng gần nguồn nhiệt, tia lửa hoặc ngọn lửa trần.

Tham khảo OSHA 29CFR Phần 1910.106 “Chất lỏng dễ cháy và dễ bắt lửa” để biết yêu cầu lưu trữ cụ thể.

Chỉ lưu trữ ở nơi thông gió tốt. Không đâm thủng, kéo lê hoặc làm trượt thùng chứa.

Đậy kín thùng khi không sử dụng.

Tính không tương thích: Axit mạnh, bazơ mạnh và các chất oxy hóa mạnh.

Phần VIII – Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Tên hóa chất	ACGIH TLV TWA	ACGIH TLV STEL	OSHA PEL TWA	OSHA PEL CEILING	Da
Toluene	20 ppm	N.E.	200 ppm	300 ppm	N.A.
Ethanol	N.E.	1,000 ppm	1,900 mg/m ³ / 1,000 ppm	N.E.	N.A.

N.A. – Không áp dụng, N.E. – Chưa được thiết lập, S – Ký hiệu da

Kiểm soát kỹ thuật: Cần cung cấp thông gió đầy đủ về hướng và lưu lượng để duy trì nồng độ chất ô nhiễm trong không khí dưới giới hạn phơi nhiễm cho phép. Lưu ý: Hơi dung môi nặng hơn không khí và tích tụ ở khu vực thấp. Cần có thông gió đầy đủ (sử dụng thiết bị chống cháy nổ) để ngăn ngừa sự tích tụ hỗn hợp hơi/không khí dễ cháy.

Biện pháp/trang bị bảo hộ cá nhân:

Bảo vệ hô hấp: Sử dụng mặt nạ lọc được NIOSH phê duyệt, có bộ lọc hóa học/cơ học phù hợp để loại bỏ kết hợp bụi và hơi hữu cơ nếu vượt giới hạn nghề nghiệp. Trong tình huống khẩn cấp, không gian kín hoặc khi mức phơi nhiễm có thể vượt xa giới hạn, sử dụng thiết bị thở cấp khí. Tuân thủ quy định OSHA (29CFR 1910.134) về sử dụng thiết bị hô hấp.

Bảo vệ da: Sử dụng găng tay neoprene, nitrile hoặc cao su để tránh tiếp xúc với da.

Bảo vệ mắt: Sử dụng kính bảo hộ, bao gồm kính có tấm chắn bên và kính chống hóa chất khi có nguy cơ bắn văng.

Trang bị bảo hộ khác: Sử dụng quần áo dùng một lần hoặc không thấm nếu có khả năng bị nhiễm bẩn quần áo làm việc. Cởi bỏ và giặt sạch quần áo bị nhiễm trước khi sử dụng lại.

Thực hành vệ sinh: Rửa tay trước khi ăn, hút thuốc hoặc sử dụng nhà vệ sinh. Không hút thuốc tại khu vực xử lý hoặc lưu trữ hóa chất. Không ăn uống tại bất kỳ nơi nào có sử dụng hoặc lưu trữ sản phẩm này. Rửa sạch kỹ sau khi thao tác.

Phần IX – Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Mùi: Dung môi

Ngoại quan: Không màu đến trong suốt

Trạng thái vật lý: Lỏng

Điểm chớp cháy: 41 °F, 5 °C

Điểm sôi: 111 °C

Nhiệt độ tự bốc cháy: N.D.

Nhiệt độ phân hủy: N.D.

Ngưỡng mùi: N.D.

Độ hòa tan trong nước: Không tan

pH: N.A.

Điểm đông đặc: N.D.

Hệ số phân bố nước/dầu: N.D.

Áp suất hơi: N.D.

Tỷ trọng hơi: Nặng hơn không khí

Giới hạn nổ dưới: 1.2 % (V)

Giới hạn nổ trên: 19 % (V)

Tốc độ bay hơi: Không áp dụng

Khối lượng riêng: 0.8 g/cm³

Độ nhớt động: N.D.

Độ nhớt động học: N.D.

Hàm lượng bay hơi theo khối lượng: 98.50 %

Hàm lượng bay hơi theo thể tích: 99.01 %

VOC tính toán: 7.16 lb/gal, 858 g/L

Chú giải: N.A. – Không áp dụng, N.E. – Chưa được thiết lập, N.D. – Chưa xác định

Phần X – Mức ổn định và phản ứng của hóa chất	
Trùng hợp nguy hiểm: Không xảy ra trùng hợp nguy hiểm trong điều kiện bình thường. Độ ổn định: Sản phẩm ổn định trong điều kiện lưu trữ thông thường. Điều kiện cần tránh: Nhiệt độ cao, các nguồn gây cháy. Tính không tương thích: Axit mạnh, bazơ mạnh và các chất oxy hóa mạnh. Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Carbon monoxide, carbon dioxide	
Phần XI – Thông tin về độc tính	
Thông tin độc tính thành phần: Đường phơi nhiễm: Tham khảo mục 2 của SDS. Triệu chứng: Tham khảo mục 2 của SDS. Chỉ số độc tính:	
Tên hóa chất	LD50/LC50
Toluene	Đường miệng LD50: Chuột 2,600 mg/kg, Qua da LD50: Thỏ 12,000 mg/kg, Hít phải LC50: Chuột 12.5 mg/L /4 giờ
Ethanol	Đường miệng LD50: Chuột 7,060 mg/kg, Hít phải LC50: Chuột 124.7 mg/L /4 giờ
Phần XII – Thông tin về sinh thái	
Thông tin độc tính thành phần: Tên hóa chất	
Độc tính sinh thái	
Toluene	Cá: Pimephales promelas 15.22 – 19.05 mg/L / 96 giờ (dòng chảy liên tục) Pimephales promelas 12.6 mg/L / 96 giờ (tĩnh) Oncorhynchus mykiss 5.89 – 7.81 mg/L / 96 giờ (dòng chảy liên tục) Oncorhynchus mykiss 14.1 – 17.16 mg/L / 96 giờ (tĩnh) Oncorhynchus mykiss 5.8 mg/L / 96 giờ (bán tĩnh) Lepomis macrochirus 11.0 – 15.0 mg/L / 96 giờ (tĩnh) Oryzias latipes 54 mg/L / 96 giờ (tĩnh) Poecilia reticulata 28.2 mg/L / 96 giờ (bán tĩnh) Poecilia reticulata 50.87 – 70.34 mg/L / 96 giờ (tĩnh) Động vật không xương sống: Daphnia magna 5.46 – 9.83 mg/L / 48 giờ (tĩnh) Daphnia magna 11.5 mg/L / 48 giờ Thực vật: Pseudokirchneriella subcapitata > 433 mg/L / 96 giờ Pseudokirchneriella subcapitata 12.5 mg/L / 72 giờ (tĩnh)
Ethanol	Cá: Pimephales promelas > 100 mg/L / 96 giờ (tĩnh) Pimephales promelas 13,400 – 15,100 mg/L / 96 giờ (dòng chảy liên tục) Động vật không xương sống: Daphnia magna 9,268 – 14,221 mg/L / 48 giờ Daphnia magna 2 mg/L / 48 giờ (tĩnh)
Độ bền và khả năng phân hủy: Chưa xác định cho sản phẩm này. Khả năng tích lũy sinh học: Chưa xác định cho sản phẩm này. Khả năng di chuyển trong đất: Chưa xác định cho sản phẩm này. Các tác động bất lợi khác: Chưa xác định cho sản phẩm này.	
Phần XIII – Thông tin về thải bỏ	

Phương pháp thải bỏ:

Thải bỏ hóa chất/thùng chứa theo quy định pháp luật về quản lý chất thải của Việt Nam.

Phần XIV – Thông tin khi vận chuyển

Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam:

Theo Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ: Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ:

- Số UN: 1993
- Nhóm hàng: 3

Phần XV – Thông tin về pháp luật

Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ: tuân thủ theo quy định của địa phương, nhà nước, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05A:2020/BCT về An toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm

Tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật an toàn, sức khỏe và môi trường theo:

- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15 ngày 14 tháng 06 năm 2025;
- Nghị định số: 24/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17 tháng 01 năm 2026 Quy định các danh mục hoá chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hoá chất;
- Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;
- Nghị định 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17 tháng 01 năm 2026 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hoá chất về quản lý hoạt động hoá chất và hoá chất nguy hiểm trong sản phẩm hàng hoá.
- Thông tư số: 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.
- Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17/01/2026 của Bộ Công thương Quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.
- Nghị định 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 1 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
- Quy chuẩn Việt Nam: QCVN 05:2020/BCT. Thông tư số: 48/2020/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2020 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.
- Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/03/2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa
- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ: Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ.
- Thông tư 19/2024/TT-BCT ngày 10 tháng 10 năm 2024 ban hành sửa đổi 1:2024 QCVN 05A:2020/BCT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.
- Các văn bản pháp luật hiện hành liên quan khác.
- Theo Nghị định số 24/2026/NĐ-CP: Sản phẩm chứa Toluene là Tiền chất công nghiệp thuộc Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt (Nhóm 2) và thuộc Danh mục hóa chất cơ bản thuộc lĩnh vực công nghiệp hóa chất trọng điểm.

Phần XVI – Các thông tin cần thiết khác

Tài liệu tham khảo:

Thông tin từ LORD Japan Inc.

Thông tin về nội dung: Công ty TNHH Synztec Việt Nam hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này.

Ngày lập phiếu gốc (bản tiếng Anh): 17/02/2015.

Ngày hiệu đính bản tiếng Việt: 08/04/2026.

Lý do hiệu đính: Bổ sung thông tin pháp luật và chuẩn hóa biểu mẫu theo yêu cầu tại Thông tư số 01/2026/TT-BCT và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

(Ban hành kèm theo Mẫu Phụ lục I, Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17/01/2026 của Bộ Công thương Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa)